

HỌC TẬP DỰA TRÊN VẤN ĐỀ: HÀM Ý CHO GIẢNG DẠY TÂM LÝ HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC

NGUYỄN THỊ BÍCH THƠM
Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

Nhận bài ngày 18/6/2026. Sửa chữa xong 30/7/2026. Duyệt đăng 05/8/2026.

Abstract

Problem-based learning (PBL) is a learner-centered instructional approach that emphasizes learning through the process of solving real-world problems. This article reviews the literature to synthesize research evidence concerning the effectiveness, challenges, opportunities, and research gaps associated with PBL in higher education. Based on the review, the article discusses implications for applying PBL to the teaching of psychology. The findings indicate that PBL is an effective instructional approach for developing students' professional competencies while also revealing a lack of research on its application in undergraduate psychology education.

Keywords: Higher education, problem-based learning, psychology education, teaching psychology.

1. Đặt vấn đề

Mục tiêu giáo dục Việt Nam hiện nay hướng tới đổi mới toàn diện, trong đó giáo dục đại học (GDĐH) tập trung vào đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển phẩm chất, năng lực tự học và sáng tạo của người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, n.d.). Theo đó, “Phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên” (Cổng thông tin điện tử Chính phủ, n.d.). Mặc dù nhiều phương pháp dạy học tích cực đã được áp dụng, việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn vẫn còn hạn chế. Trong bối cảnh nhu cầu nghề nghiệp tâm lý gia tăng (Diễn đàn Kinh tế Thế giới, 2025), học tập dựa trên vấn đề cung cấp một tiếp cận giúp người học phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ chủ động, phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp. Bài báo tổng quan các bằng chứng về học tập dựa trên vấn đề trong giáo dục đại học và nêu ra các hàm ý ứng dụng trong giảng dạy tâm lý học.

2. Cơ sở lý thuyết

PBL là một tiếp cận dạy học xuất hiện vào cuối những năm 1960 tại Đại học McMaster, Canada trong chương trình đào tạo sinh viên (SV) Y khoa, được định nghĩa là “việc học được hình thành từ quá trình nỗ lực hướng tới việc hiểu hoặc giải quyết vấn đề” (Barrows & Tamblyn, 1980, p.18). Theo đó, trong PBL, người học tiếp cận vấn đề trước khi nghe giảng hơn là nghe giảng và ứng dụng kiến thức sau đó.

PBL chú trọng vào sáu đặc điểm, bao gồm: “việc học lấy người học làm trung tâm, việc học diễn ra trong nhóm nhỏ, giáo viên là người hướng dẫn hoặc tạo điều kiện cho việc học diễn ra, vấn đề hình thành nên cách thức tổ chức và thúc đẩy việc học, vấn đề là phương tiện cho sự phát triển các kỹ năng giải quyết vấn đề lâm sàng, và thông tin mới được thu thập thông qua tự học” (Barrows, 1996, pp. 5 – 6). Các đặc điểm này chỉ ra những điều cần chú trọng giúp thể hiện tinh thần PBL trong dạy học. Người học hoàn toàn chủ động trong việc tiếp thu kiến thức mới thông qua giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm. Người dạy tạo điều kiện, hỗ trợ cho việc học diễn ra, định hướng chứ không sa vào truyền

(*) Lời cảm ơn: Tác giả xin trân trọng cảm ơn các đồng nghiệp và Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu đã hỗ trợ về chuyên môn và điều kiện thực hiện bài báo này. Bài báo không nhận tài trợ tài chính và tác giả cam kết không có xung đột lợi ích liên quan.

Email: thomntb@bvu.edu.vn

đạt kiến thức. Vấn đề là phương tiện học tập trọng tâm của PBL, xuất phát từ thực tế, cấu trúc nên hoạt động học tập, phát triển năng lực học tập của người học.

Dựa trên những đặc điểm cốt lõi PBL, quy trình 7 bước ứng dụng PBL được phát triển vào năm 1983, tại Đại học Maastricht, Hà Lan, sau đó được mô tả đầy đủ và rõ ràng hơn, bao gồm:

Bước 1: Làm rõ thuật ngữ, khái niệm chưa hiểu; Bước 2: Xác định vấn đề; Bước 3: Phân tích vấn đề; Bước 4: Xây dựng các giải thích/ giả thuyết giải quyết vấn đề; Bước 5: Xác định mục tiêu học tập; Bước 6: Tự học; Bước 7: Tổng hợp, chia sẻ, đánh giá kiến thức đã học (Moust, Van Berkel, & Schmidt, 2005, p. 668).

Như vậy, quy trình này cung cấp hướng dẫn thực hiện việc dạy học theo PBL một cách tuần tự. Bắt đầu bằng vấn đề, người học sẽ làm rõ những thuật ngữ, khái niệm chưa rõ trong vấn đề cần giải quyết. Sau đó, người học tiến hành xác định vấn đề trọng tâm được nêu ra, dựa vào kiến thức đã biết phân tích để tìm hiểu các khía cạnh vấn đề. Tiếp theo đó, người học đưa ra những cách giải thích, giả thuyết để cấu trúc lại cách tiếp cận và giải quyết vấn đề, từ đó xác lập những mục tiêu học tập cần đạt được. Quá trình tự học sẽ diễn ra thông qua việc người học tự nghiên cứu, tìm hiểu kiến thức mới giúp lấp đầy lỗ hổng hoặc khoảng trống kiến thức, giúp cho giai đoạn cuối cùng giải quyết vấn đề diễn ra hiệu quả hơn. Người học tổng hợp, chia sẻ lại kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, và đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của bản thân.

Cùng với các quy trình chuẩn hóa, Savin-Baden và Major (2004) cũng đề xuất tám mô hình để triển khai PBL. Mỗi mô hình khác nhau về cấu trúc các nguồn lực như thời gian, ngân sách và loại hình PBL trong một chương trình học. PBL thuần túy và PBL kết hợp là hai cách tiếp cận chính trong triển khai PBL. PBL thuần túy, được mô hình hóa lần đầu tại McMaster, bao gồm việc SV học theo nhóm nhỏ mà không có bài giảng hay hướng dẫn trực tiếp, trong khi PBL kết hợp bao gồm cả bài giảng hoặc hướng dẫn hỗ trợ (Savin-Baden & Major, 2004). PBL thuần túy (pure PBL) và PBL kết hợp (hybrid PBL), so với phương pháp giảng dạy (PPGD) truyền thống, giúp cải thiện thành tích tổng thể, tư duy bậc cao của người học, và mang lại hiệu quả giảng dạy cao hơn với nỗ lực tinh thần thấp hơn (Salari, Roozbehi, Zarifi, & Tarmizi, 2018). So với các phương pháp truyền thống, PBL thuần túy hiệu quả hơn trong việc nâng cao kiến thức lý thuyết, năng lực thực hành và kết quả phân tích tình huống của SV (Ma & Lu, 2019). PBL kết hợp hiệu quả hơn trong việc phát triển kiến thức cốt lõi (Li et al., 2023). Bên cạnh đó, PBL kết hợp thể hiện hiệu quả khi triển khai trong các lớp học truyền thống có số lượng lớn SV (Kharay et al., 2018; Li et al., 2023), trong khi PBL thuần túy thường được triển khai với các nhóm nhỏ từ 5-9 SV (Barrows, 1996).

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo này sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu nhằm thu thập, đánh giá và tổng hợp các nghiên cứu liên quan đến học tập dựa trên vấn đề trong GDĐH. Tài liệu được thu thập từ các cơ sở dữ liệu học thuật gồm Web of Science, ERIC và Google Scholar, tập trung vào các nghiên cứu về học tập dựa trên vấn đề trong GDĐH trong giai đoạn 1980–2025. Trong đó, ưu tiên lựa chọn các nghiên cứu thực nghiệm công bố trong giai đoạn 2018–2025 nhằm phản ánh các bằng chứng nghiên cứu cập nhật về hiệu quả của PBL. Các nghiên cứu được lựa chọn theo các tiêu chí: được công bố trên các tạp chí khoa học có phản biện; tập trung vào PBL trong bối cảnh GDĐH; và báo cáo kết quả về tác động của PBL đối với kết quả học tập và phát triển năng lực của người học, cũng như cách thức triển khai và hiệu quả ứng dụng PBL trong các lĩnh vực đào tạo. Các tài liệu không liên quan trực tiếp hoặc không cung cấp dữ liệu nghiên cứu được loại khỏi quá trình tổng quan. Quá trình tổng quan bao gồm các bước: xác định nguồn tài liệu phù hợp, lựa chọn các nghiên cứu tiêu biểu, phân tích và so sánh kết quả nhằm rút ra những bằng chứng về hiệu quả, thách thức, cơ hội và khoảng trống nghiên cứu, làm cơ sở cho các hàm ý ứng dụng PBL trong giảng dạy Tâm lý học.

4. Nội dung nghiên cứu

Từ các công trình đã tổng quan, có thể phân loại các nghiên cứu về PBL thành ba hướng chính: đánh giá tác động của PBL đối với kết quả học tập và phát triển năng lực của người học, phân tích các yếu

tổ và điều kiện ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai PBL, và nghiên cứu việc thiết kế và ứng dụng PBL trong các học phần cụ thể.

4.1. Hiệu quả của PBL

So với dạy học truyền thống, PBL được cho là mang lại hiệu quả tích cực hơn cho kết quả học tập của người học, từ kết quả các kì thi, quá trình tư duy, môi trường học tập, đánh giá hiệu quả thực hành của người học, sự hài lòng của người học và người dạy (Albanese & Mitchell, 1993). PBL cũng thể hiện những lợi thế rõ ràng trong việc giữ kiến thức và phát triển kỹ năng học tập, đặc biệt là trong việc áp dụng các khái niệm vào các vấn đề mới (Norman & Schmidt, 1992). Cụ thể hơn, về mặt kiến thức, PBL hiệu quả trong việc nâng cao các kiến thức lý thuyết (Ma & Lu, 2022), kiến thức nền tảng (Li et al., 2023). Về mặt kỹ năng, PBL hiệu quả trong việc cải thiện kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, hợp tác, học tập tự định hướng (Chen et al., 2024), các kỹ năng xã hội, trách nhiệm đạo đức, tự đánh giá (Kharay, Sharma, & Bansal, 2018), và sáng tạo (Ramdani, Purwoko, & Yustiqvar, 2021). Về mặt thái độ, PBL góp phần gia tăng sự hài lòng (Jiménez-Saiz & Rosace, 2019) cũng như động lực (Wijnia et al., 2024) của người học.

4.2. Thách thức và cơ hội trong thực hiện PBL

Có nhiều thách thức quan trọng trong việc lựa chọn, thiết kế và triển khai PBL, bao gồm: định nghĩa lại vai trò của giảng viên (GV) như một người hướng dẫn, tạo ra các tình huống mô phỏng dựa trên vấn đề thực tế, đảm bảo các đơn vị PBL không phụ thuộc vào tài liệu giảng dạy, phát triển công cụ đánh giá quá trình giải quyết vấn đề, và phân bổ thời gian cùng nhân lực giảng dạy một cách hợp lý (Barrows và Tamblyn, 1980). Trong khi năng lực của GV là yếu tố quyết định chất lượng PBL thì tính thực tiễn và chi phí đóng vai trò quan trọng trong việc xác định phương pháp PBL nào được áp dụng (Barrows, 1986). Các thách thức cũng thể hiện cụ thể trong các nhóm đối tượng như, người học thể hiện sự kháng cự với PBL, thiếu sự đồng thuận trong nhóm, sự chiếm ưu thế trong thảo luận, kỳ vọng cao vào người dạy, và kỹ năng giao tiếp kém. Người dạy lại thiếu động lực, thiếu đào tạo về triển khai PBL, thiếu kỹ năng hướng dẫn và đánh giá, quá tải công việc, và chỉ tập trung vào biểu hiện của các tình huống hơn. Ngoài ra, các vấn đề thường mơ hồ và chưa có cấu trúc rõ ràng và việc đánh giá có xu hướng chủ quan và không nhất quán (Tefera et al., 2024).

Bên cạnh đó, PBL thúc đẩy khả năng tự học và sự chủ động tham gia của người học, cho phép họ theo đuổi kiến thức theo những cách vượt quá mong đợi của người thiết kế khóa học (Barrows, 1996), đồng thời gắn kết khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành, giúp người học phát triển các kỹ năng phù hợp với yêu cầu công việc (Rosário & Dias, 2024). Nhờ đó, việc học trở nên tự chủ hơn và giảm phụ thuộc vào sự can thiệp trực tiếp của GV, đồng thời vẫn tận dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội. Nhìn chung, PBL là một PPGD dựa trên bằng chứng, thúc đẩy SV phát triển kiến thức linh hoạt và năng lực học tập suốt đời (Hmelo-Silver, 2004).

4.3. PBL trong giảng dạy Tâm lý học

Hướng dẫn của Hiệp hội tâm lý học Hoa Kỳ trong đào tạo SV tâm lý học đề ra một tập hợp các năng lực cốt lõi, tập trung vào năm nhóm mục tiêu về “kiến thức nội dung và ứng dụng; nghiên cứu khoa học và tư duy phản biện; các giá trị trong khoa học tâm lý; kỹ năng về giao tiếp, hiểu biết về tâm lý và công nghệ; phát triển cá nhân và nghề nghiệp” (Hiệp hội tâm lý học Hoa Kỳ, 2023, p.6). Với hướng dẫn đó, PBL là một tiếp cận dạy học giúp SV tâm lý học có thể phát triển những năng lực thiết yếu nêu trên. Điều này đã được chứng minh bởi các nghiên cứu về hiệu quả học tập của PBL.

Mặc dù PBL đã được triển khai rộng rãi trong nhiều ngành học, thực tế vẫn còn rất ít nghiên cứu áp dụng PBL trong giảng dạy tâm lý học. Một nghiên cứu về việc triển khai và đánh giá PBL theo định hướng dự án trong một học phần Tâm lý học Quan hệ Con người cho thấy những kết quả tích cực, bao gồm việc nâng cao kỹ năng mềm của SV và gia tăng nhận thức về các vấn đề xã hội (Alwi & Hussin, 2018). Một số nghiên cứu đã áp dụng các vấn đề thực tiễn vào giáo dục tâm lý học, như việc sử dụng học tập dựa trên dự án trong học phần Tâm lý học Giáo dục (Yan, Zhu, Wu, Wang, & Li, 2025) và học tập dựa trên dự án với định hướng giải quyết vấn đề trong học phần Tâm lý học Quản trị (Yen, 2024). Các nghiên cứu cho thấy

việc tích hợp vấn đề vào trong dạy học tâm lý đã trở nên phổ biến. Tuy nhiên, phần lớn các phương pháp này chưa được thiết kế và triển khai theo đầy đủ các đặc trưng cốt lõi của PBL.

Tại Việt Nam, PBL đã dần được ứng dụng vào dạy và học tại các trường cùng các phương pháp dạy học tích cực khác. Các nghiên cứu riêng về PBL vẫn còn chiếm số lượng nhỏ. Tác giả Nguyễn Thị Minh Tâm (2018, 2021) đã nghiên cứu ứng dụng PBL trong phát triển kỹ năng tư duy bậc cao cho SV ngành Ngôn ngữ Anh, và học viên chương trình Thạc sĩ Giảng dạy Tiếng Anh cho người nói các ngôn ngữ khác tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy PBL đã phát huy được hiệu quả trong học tập ngôn ngữ Anh dành cho SV và học viên cao học trong thực tế dạy học ở Việt Nam.

Nhìn chung, các nghiên cứu đều cho thấy PBL có tác động tích cực đến sự tham gia học tập, tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề của SV. Tuy nhiên, mức độ hiệu quả của PBL có sự khác biệt giữa các nghiên cứu và phụ thuộc vào cách thiết kế vấn đề học tập, vai trò hướng dẫn của GV và mức độ tự chủ của người học. Điều này cho thấy hiệu quả của PBL không chỉ phụ thuộc vào bản thân phương pháp mà còn gắn chặt với bối cảnh và cách thức triển khai.

Từ tổng quan các nghiên cứu có thể nhận thấy ba khoảng trống chính: xét theo ngành học, số lượng nghiên cứu áp dụng PBL trong đào tạo Tâm lý học còn hạn chế so với các lĩnh vực như y khoa, giáo dục, khoa học và kỹ thuật,...; xét theo cách tiếp cận, nhiều nghiên cứu mới dừng ở việc tích hợp các vấn đề thực tiễn hoặc học tập dựa trên dự án, chưa triển khai đầy đủ các đặc trưng cốt lõi của PBL; và xét theo bối cảnh, tại Việt Nam, các nghiên cứu về PBL chủ yếu tập trung ở một số ngành như ngoại ngữ và sư phạm, trong khi bằng chứng thực nghiệm về việc ứng dụng và hiệu quả của PBL trong đào tạo Tâm lý học bậc đại học còn rất ít.

Trên cơ sở đó, bài báo này làm rõ các khoảng trống nghiên cứu theo ngành học, cách tiếp cận và bối cảnh triển khai, đồng thời đề xuất các hàm ý ứng dụng PBL trong giảng dạy Tâm lý học. Các kết quả tổng quan cũng gợi ý những định hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm phát triển và đánh giá các mô hình PBL phù hợp với đào tạo Tâm lý học ở bậc đại học, đặc biệt trong bối cảnh GDĐH Việt Nam.

4.4. Thảo luận

Phần lớn các nghiên cứu đều thống nhất rằng PBL mang lại tác động tích cực đối với kết quả học tập của SV trên ba phương diện chính: kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập. Cụ thể, PBL góp phần nâng cao kiến thức lý thuyết và kiến thức nền tảng, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của các kỹ năng bậc cao như giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, giao tiếp, hợp tác và học tập tự định hướng. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu cũng ghi nhận tác động tích cực của PBL đối với động lực và mức độ hài lòng của người học. Những kết quả này cho thấy PBL là một tiếp cận dạy học có bằng chứng nghiên cứu ủng hộ, có tiềm năng hỗ trợ đào tạo theo định hướng phát triển năng lực.

Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng cho thấy một số khác biệt và chưa nhất quán về mức độ hiệu quả của PBL. Một số công trình chỉ ra rằng PBL thuần túy mang lại hiệu quả cao hơn trong việc phát triển kiến thức và năng lực thực hành, trong khi các nghiên cứu khác lại cho rằng PBL kết hợp phù hợp hơn với bối cảnh lớp học đông SV và giúp đảm bảo kiến thức cốt lõi. Ngoài ra, hiệu quả của PBL còn phụ thuộc đáng kể vào cách thiết kế vấn đề học tập, vai trò hướng dẫn của GV và mức độ sẵn sàng tự học của SV. Điều này cho thấy PBL không phải là một mô hình có thể áp dụng đồng loạt cho mọi bối cảnh mà cần được điều chỉnh linh hoạt theo điều kiện triển khai cụ thể.

Từ các bằng chứng tổng quan có thể rút ra kết luận rằng PBL là một PPGD có cơ sở thực nghiệm trong việc thúc đẩy học tập tích cực và phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV. Tuy nhiên, hiệu quả của PBL phụ thuộc đáng kể vào bối cảnh đào tạo, mô hình triển khai và năng lực sư phạm của GV. Do đó, việc ứng dụng PBL trong giảng dạy Tâm lý học bậc đại học cần được triển khai theo lộ trình, từ các hình thức PBL kết hợp sang PBL thuần túy, nhằm đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.5. Đề xuất một số hàm ý ứng dụng PBL trong giảng dạy Tâm lý học

Từ các khoảng trống nghiên cứu nêu trên, bài báo đề xuất một số hàm ý ứng dụng PBL trong giảng dạy Tâm lý học bao gồm:

4.5.1. Việc lựa chọn mô hình PBL cần được cân nhắc phù hợp với đặc thù ngành Tâm lý học, bối cảnh giáo dục và đặc điểm của người học

Các nghiên cứu cho thấy PBL phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập tích cực thông qua các tình huống thực tế gắn với nghề nghiệp. Do đó, có thể xem xét áp dụng PBL theo hướng chuyển đổi dần từ mô hình PBL kết hợp sang PBL thuần túy trong các học phần cơ sở và chuyên ngành, nhằm gia tăng mức độ tự chủ của người học, giảm sự phản kháng ban đầu, đồng thời đảm bảo sự linh hoạt giữa giảng dạy khái niệm và giải quyết các vấn đề nghề nghiệp thực tế.

4.5.2. Thiết kế vấn đề đóng vai trò trung tâm trong hiệu quả của PBL

Các vấn đề trong giảng dạy Tâm lý học cần phản ánh những tình huống thực tế liên quan đến nhận thức, cảm xúc và hành vi của con người trong các bối cảnh cụ thể. Đồng thời, vấn đề cần được thiết kế với cấu trúc rõ ràng về thời lượng, mức độ phức tạp phù hợp với trình độ người học, cũng như định hướng rõ các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được thông qua quá trình giải quyết vấn đề.

4.5.3. Vai trò của giảng viên là yếu tố then chốt quyết định chất lượng triển khai PBL

Trong phương pháp này, GV cần chuyển dần từ vai trò truyền đạt kiến thức sang vai trò tạo điều kiện và hỗ trợ quá trình học tập của SV. Điều này đòi hỏi GV được đào tạo về năng lực triển khai PBL trong lớp học nhằm đảm bảo đúng tinh thần của phương pháp học tập dựa trên vấn đề.

4.5.4. Đánh giá học tập trong PBL cần được thiết kế phù hợp với đặc điểm của các vấn đề học tập

Việc đánh giá cần mang tính toàn diện, kết hợp giữa kết quả học tập cuối kỳ và quá trình học tập, với sự tham gia đa dạng từ tự đánh giá của SV, đánh giá đồng đẳng và đánh giá của GV. Các hình thức đánh giá cần được xây dựng dựa trên các tiêu chí rõ ràng về mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập; đồng thời, việc lồng ghép các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp trong đánh giá đối với SV ngành Tâm lý học cũng là một hàm ý quan trọng.

Đồng thời, các kết quả tổng quan gợi ý một số hướng nghiên cứu tiếp theo, bao gồm: xây dựng và đánh giá các mô hình PBL phù hợp với đào tạo Tâm lý học; đánh giá tác động của PBL đối với các năng lực cốt lõi của SV Tâm lý học; và triển khai các nghiên cứu thực nghiệm trong bối cảnh GDĐH Việt Nam nhằm bổ sung bằng chứng khoa học cho việc ứng dụng phương pháp này.

5. Kết luận

Bài báo đã tổng hợp và phân tích các bằng chứng nghiên cứu về học tập dựa trên vấn đề trong GDĐH, qua đó cho thấy PBL là một tiếp cận dạy học dựa trên bằng chứng, có tiềm năng nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV Tâm lý học, phù hợp với định hướng ứng dụng trong phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho SV Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.

Việc triển khai PBL hiệu quả tại trường phụ thuộc vào hai yếu tố: chương trình đào tạo cần linh hoạt, tích hợp PBL như phương pháp dạy học chính hoặc kết hợp, với chuẩn đầu ra định hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và ứng dụng kiến thức. Đồng thời, nguồn lực gồm đào tạo GV, quy mô lớp học, cơ sở vật chất và công nghệ cần được đảm bảo để hỗ trợ học tập nhóm, tự định hướng và triển khai PBL bền vững.

Trên cơ sở các kết quả tổng quan, việc triển khai PBL tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu có thể được thực hiện theo lộ trình từ quy mô học phần sang quy mô chương trình đào tạo, bắt đầu

bằng việc đánh giá hiệu quả của PBL trong một số học phần cụ thể, sau đó mở rộng sang nhiều học phần khác và tiến tới áp dụng PBL ở cấp độ toàn chương trình.

Tài liệu tham khảo

Albanese, M. A., & Mitchell, S. (1993). Problem-based learning: A review of literature on its outcomes and implementation issues. *Academic Medicine*, 68(1), 52–81. doi.org/10.1097/00001888-199301000-00012.

- Alwi, A., & Hussin, R. (2018). Becoming Socially Responsible: The Implementation of Project-Oriented Problem-Based Learning. *International Journal of Contemporary Educational Research*, 5(2), 103–112. doi.org/10.33200/ijcer.478973.
- American Psychological Association, Board of Educational Affairs Task Force on Psychology Major Competencies. (2023). *APA guide-lines for the undergraduate psychology major (Version 3.0): Empowering people to make a difference in their lives and communities*. Washington, DC: American Psychological Association. Retrieved from <https://www.apa.org/about/policy/undergraduate-psychology-major.pdf>
- Barrows, H. S., & Tamblyn, R. M. (1980). Problem-based learning: Rationale and definition. In *Problem-based learning: An approach to medical education* (pp. 1–18). New York, NY: Springer Publishing Company.
- Barrows, H. S. (1986). A taxonomy of problem-based learning methods. *Medical Education*, 20(6), 481–486. doi.org/10.1111/j.1365-2923.1986.tb01386.x.
- Barrows, H. S. (1996). Problem-based learning in medicine and beyond: A brief overview. *New Directions for Teaching and Learning*, 1996(68), 3–12.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (n.d.). *Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo*. Retrieved. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/doi-moi-can-ban-toan-dien-gd-va-dt.aspx?ItemID=3928>.
- Chen, T., Zhao, Y.-J., Huang, F.-Q., Liu, Q., Li, Y., Alolga, R. N., ... Ma, G. (2024). The effect of problem-based learning on improving problem-solving, self-directed learning, and critical thinking ability for the pharmacy students: A randomized controlled trial and meta-analysis. *PLOS ONE*, 19(12), e0314017. doi.org/10.1371/journal.pone.0314017.
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (n.d.). *Văn bản pháp luật*. Retrieved. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=197310>.
- Hmelo-Silver, C. E. (2004). Problem-based learning: What and how do students learn? *Educational Psychology Review*, 16, 235–266. doi.org/10.1023/B:EDPR.0000034022.16470.f3.
- Jiménez-Saiz, R., & Rosace, D. (2019). Is hybrid-PBL advancing teaching in biomedicine? A systematic review. *BMC Medical Education*, 19(1), 226. doi.org/10.1186/s12909-019-1673-0.
- Kharay, S. S., Sharma, A., & Bansal, P. (2018). Evaluation of hybrid problem-based learning in large classrooms: A qualitative and quantitative analysis. *International Journal of Research in Medical Sciences*, 6(11). doi.org/10.18203/2320-6012.ijrms20184419.
- Li, Q., Wang, W., Mi, Y., Dai, Y., Luo, Y., Ling, Y., & Li, J. (2023). Improved PBL hybrid with LBL is beneficial to fundamental knowledge acquisition in a large class prior to medical internship. *Journal of Problem Based Learning in Higher Education*, 11(3), 145–156. doi.org/10.54337/ojs.jpblhe.v11i3.7779.
- Ma, Y., & Lu, X. (2019). The effectiveness of problem-based learning in pediatric medical education in China: A meta-analysis of randomized controlled trials. *Medicine*, 98(2), e14052. doi.org/10.1097/MD.00000000000014052.
- Moust, J. H. C., Van Berkel, H. J. M., & Schmidt, H. G. (2005). Signs of erosion: Reflections on three decades of problem-based learning at Maastricht University. *Higher Education*, 50(4), 665–683. doi.org/10.1007/s10734-004-6371-z.
- Nguyễn, T. M. T. (2018). Using problem-based learning to promote students' use of higher order thinking skills and facilitate their learning. *VNU Journal of Foreign Studies*, 34(2). doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4249.
- Nguyễn, T. M. T. (2021). Using problem-based tasks to promote higher order thinking skills for TESOL MA students in Vietnam. *Interdisciplinary Journal of Problem Based Learning*, 15(1), 7. doi.org/10.14434/ijpbl.v15i1.28772.
- Norman, G. R., & Schmidt, H. G. (1992). The psychological basis of problem-based learning: A review of the evidence. *Academic Medicine*, 67(9), 557–565. doi.org/10.1097/00001888-199209000-00002.
- Ramdani, A., Purwoko, A. A., & Yustiqvar, M. (2021). Improving scientific creativity of teacher prospective students: Learning studies using a Moodle-based learning management system during the COVID-19 pandemic. In *International Joint Conference on Science and Engineering 2021 (IJCSE 2021)* (pp. 261–267). Atlantis Press.
- Rosário, A. T., & Dias, J. C. (2024). Implementing problem-based learning in marketing education: A systematic review and analysis. *Education Sciences*, 14(11), 1139. doi.org/10.3390/educsci14111139.
- Salari, M., Roozbeh, A., Zarifi, A. V., & Tarmizi, R. A. (2018). Pure PBL, hybrid PBL and lecturing: Which one is more effective in developing cognitive skills of undergraduate students in pediatric nursing course? *BMC Medical Education*, 18(1), 130. doi.org/10.1186/s12909-018-1305-0.
- SavinBaden, M., & Major, C. H. (2004). *Curricula models*. In *Foundations of problem-based learning* (Ch. 4, pp. 37–46). New York, NY: Society for Research into Higher Education & Open University Press.
- Tefera, A. S., Melaku, E. E., Urgie, B. M., Hassen, E. M., Tamene, T. D., & Gebeyaw, E. D. (2024). Barriers to implementing problem-based learning at the School of Medicine of Debre Berhan University, Ethiopia. *BMC Medical Education*, 24, 123. doi.org/10.1186/s12909-024-05252-1.
- Wijnia, L., Noordzij, G., Arends, L. R., Rikers, R. M. J. P., & Loyens, S. M. M. (2024). The effects of problembased, projectbased, and case-based learning on students' motivation: A metaanalysis. *Educational Psychology Review*, 36, 29. doi.org/10.1007/s10648-024-09864-3.
- World Economic Forum. (2025). *The future of jobs report 2025*. Retrieved from <https://www.weforum.org/publications/the-future-of-jobs-report-2025/>.
- Yan, P., Zhu, Y., Wu, D., Wang, J., & Li, S. (2025). Exploring the pathway of project-based learning for enhancing core competency in educational psychology. *Journal of Education and Learning*, 14(5), 357–370. doi.org/10.5539/jel.v14n5p357.
- Yen, T.-F. (2024). Effectiveness of PBL in Improving Managerial Psychology Learning. *Asian Journal of Education and Social Studies*, 50(6), 162–169. doi.org/10.9734/ajess/2024/v50i61403.